

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày: 12-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC-TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bé Mười

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đẹp và ông Nguyễn Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Trung T**, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Tháp

Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12

Dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Võ Văn T1(chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972

Vợ: Lưu Thị Kim T2, sinh năm 1999

Con: có 01 người tên Võ Bình M, sinh năm 2016

Tiền sự: Không

Tiền án: có 03 tiền án

- Ngày 24/9/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 01/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù của Tòa án nhân dân thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc) là 03 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/6/2013.

- Ngày 13/02/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/8/2015, thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 28/11/2019.

Bắt tạm giam: ngày 04/6/2020

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Sa Đéc.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1- Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1986 (*có mặt*)

Nơi cư trú: Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

2- Anh Tạ Chấn N, sinh năm 1979 (*vắng mặt*)

Nơi cư trú: Khóm E, Phường U, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) D

Đại diện hợp pháp: **Ông Lô Bằng G**, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Phường O, quận X, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: **Anh Lê Minh T3**, sinh năm 1985 (*có mặt*)

Nơi cư trú: Ấp L, xã R, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

- Người làm chứng:

1- Anh Huỳnh Vạn T4, sinh năm 1986 (*vắng mặt*)

Nơi cư trú: Khóm E, Phường Y, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

2- Anh Võ Trung T5, sinh năm 1999 (*có mặt*)

Nơi cư trú: Ấp B, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 23/11/2018, Võ Trung T đến cửa hàng xe máy L1 tọa lạc ấp P1, xã D1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic màu xám vàng, biển số 66L1-523.71 với giá 61.500.000 đồng, T trả trước cho cửa hàng số tiền 21.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 40.000.000 đồng.

Sau đó, T ký hợp đồng thế chấp xe mô tô nêu trên cùng giấy đăng ký xe mô tô cho công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên D để vay số tiền 40.000.000 đồng bằng hình thức thanh toán trả góp hàng tháng, trong thời hạn 15 kỳ, với tổng số tiền vốn và lãi là 53.774.524 đồng. Định kỳ mỗi tháng T phải trả cho Ngân hàng D số tiền 3.536.000 đồng, riêng kỳ cuối là 4.271.000 đồng, cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp số 20181123-0002753 ngày 23/11/2018 thì phía Ngân hàng D sẽ giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 để đảm bảo việc thanh toán tiền vay và giao lại xe

mô tô biển số 66L1-523.71 cho T quản lý, sử dụng nhưng không được mua bán, trao đổi, tặng cho, góp vốn... nếu chưa được sự đồng ý của Ngân hàng D.

Từ ngày ký hợp đồng thế chấp đến ngày 19/6/2019, T đã trả tiền góp hàng tháng cho Ngân hàng được 05 kỳ đến ngày 19/6/2019, với tổng số tiền là 17.830.000 đồng.

Sau đó, T không thực hiện việc trả góp hàng tháng cho Ngân hàng, còn thiếu lại 10 kỳ, tổng số tiền T còn nợ Ngân hàng D là 35.944.524 đồng (trong đó tiền vốn là 29.648.000 đồng, tiền lãi là 6.296.524 đồng).

Trong quá trình sử dụng xe, do thiếu nợ nhiều người và không có khả năng chi trả nên vào ngày 04/4/2019, T lên mạng xã hội Facebook tìm các trang thông tin liên quan đến việc làm giấy tờ giả, mục đích làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 để đem xe đi mua bán, cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. T phát hiện có 01 tài khoản đăng dịch vụ làm giấy tờ giả nên T điện thoại gặp 01 người thanh niên tên T6 (không rõ họ tên, địa chỉ). Qua trao đổi, thỏa thuận, T6 làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 mang tên Võ Trung T với giá 1.700.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ ngày 09/4/2019, T6 điện thoại kêu T đi đến bến xe thành phố S, tỉnh Đồng Tháp để nhận giấy đăng ký xe mô tô giả.

Khi đến nơi, T gặp 01 người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) giao cho T 01 cái hộp, T đưa cho người thanh niên số tiền 1.700.000 đồng rồi mang cái hộp về nhà kiểm tra phát hiện bên trong có 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 108427 ngày 15/12/2018 và số 151912 ngày 28/3/2018, có biển số xe là 66L1-523.71 cùng mang tên Võ Trung T. Thấy vậy, T điện thoại hỏi T6 thì T6 cho biết là tặng thêm cho T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe giả để làm quen. Sau đó, T mang 02 giấy chứng nhận đăng ký xe giả cất giấu vào cốp xe mô tô biển số 66L1-523.71.

Đến ngày 19/4/2019, T sử dụng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 108427 ngày 15/12/2018 thỏa thuận bán xe mô tô biển số 66L1-523.71 cho anh Nguyễn Duy P với giá 40.000.000 đồng. Anh P tin giấy chứng nhận đăng ký xe trên là thật nên đồng ý mua và ký hợp đồng mua bán xe có công chứng của Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nhưng chưa làm thủ tục đăng ký sang tên.

Sau đó, T viết giấy tay thỏa thuận thuê lại xe mô tô biển số 66L1-523.71 của anh P với giá 200.000 đồng/ngày để sử dụng. Số tiền bán xe có được, T trả nợ cho anh Huỳnh Vạn T4 số tiền 28.000.000 đồng, còn lại số tiền 12.000.000 đồng T tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi T thuê lại xe đã bán cho anh P để sử dụng thì C2 (không rõ họ tên, địa chỉ) nhiều lần điện thoại yêu cầu T trả số nợ 35.000.000 đồng. Do không có tiền nên T đồng ý giao xe mô tô biển số 66L1-523.71 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 151912 ngày 28/3/2018 cho C2 quản lý, cất giữ. Sau đó, T đi đến huyện Q1, tỉnh Bình Dương sinh sống.

Đến ngày 12/5/2019, T điện thoại kêu em ruột là Võ Trung T5 đi cùng với C2 đến dịch vụ cầm đồ H2 tọa lạc Khóm E, Phường U, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cầm xe mô tô biển số 66L1-523.71 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe số 151912 ngày 28/3/2018 để lấy tiền trả nợ cho C2. Tại cửa hàng cầm đồ, anh T5 trực tiếp giao dịch cầm xe với anh Tạ Chấn N (chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ), tuy nhiên người đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe không phải là anh T5 nên anh N không đồng ý cầm xe. Lúc này, anh T5 điện thoại nói cho T biết, T liền điện thoại trực tiếp trao đổi và thỏa thuận với anh N, anh N tin giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 151912 là thật nên đồng ý cầm xe mô tô biển số 66L1-523.71 với số tiền 37.000.000 đồng. Anh N trực tiếp giao số tiền 37.000.000 đồng cho anh T5, anh T5 đưa lại cho C2 để trả nợ cho T.

Đến ngày 22/9/2019, anh P phát hiện xe mô tô biển số 66L1-523.71 đang được cầm tại dịch vụ cầm đồ H2 nên trình báo sự việc với Công an Phường 1, thành phố Sa Đéc đến giải quyết.

Đối với Ngân hàng D, sau khi hết thời hạn vay tiền đã thông báo và nhiều lần liên lạc với T để thanh lý hợp đồng tín dụng số 20181123-0002753 ngày 23/11/2018 nhưng không liên lạc được nên đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sa Đéc trình báo sự việc.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 42/HĐĐGTS ngày 10/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Sa Đéc kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic màu xám, biển số 66L1-523.71 (đã qua sử dụng và thu hồi được) vào thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là **44.000.000 đồng**.

Tại kết luận giám định số 984/KL-KTHS ngày 08/12/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số **108427**, tên chủ xe Võ Trung T, sinh năm 1989 là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số **151912**, tên chủ xe Võ Trung T, sinh năm 1989 là giả.

Trong quá trình điều tra, các anh P, N và ngân hàng yêu cầu bị cáo bồi thường cụ thể như sau:

- Anh Nguyễn Duy P yêu cầu T bồi thường số tiền 40.000.000đ;

- Anh Tạ Chấn N yêu cầu T bồi thường số tiền 37.000.000đ;

- Anh Lê Minh T3 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng D yêu cầu T hoàn trả số tiền nợ vốn cho Ngân hàng D số tiền 29.648.000 đồng.

Bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các anh P, N và Ngân hàng D.

Đối với các khoản tiền thuê xe, lãi suất cầm xe, lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng D, các anh P, N và anh T3 không yêu cầu T hoàn trả nên không xem xét, giải quyết.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 mang tên Võ Trung T (giấy thật), Ngân hàng D yêu cầu được tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic màu xám, biển số 66L1-523.71;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 mang tên Võ Trung T, số 108427 cấp ngày 15/12/2018 (giấy giả) để xử lý theo quy định pháp luật.
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 mang tên Võ Trung T, số 151912 cấp ngày 18/3/2018 (giấy giả) để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSND-TP.SĐ ngày 08/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc đã truy tố bị cáo Võ Trung T về tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** theo **Điểm c, d Khoản 2 Điều 174** của Bộ luật Hình sự và tội **“Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”** theo **Điểm b, d Khoản 2 Điều 341** của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc trong phần tranh luận đã giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị:

- Áp dụng Điểm c, d Khoản 2 Điều 174, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Võ Trung T** về tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** với mức án từ **03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù**.
- Áp dụng Điểm b, d Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Võ Trung T** về tội **“Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”** với mức án từ **02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù**.
- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** và tội **“Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”** với mức án từ **05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù**.
- **Về hình phạt bổ sung:** Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến bào chữa, tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Người làm chứng không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật Tố tụng hình sự trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng nên các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án là hợp pháp, đúng theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản và kết luận định giá tài sản số 42/HĐĐGTS ngày 10/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sa Đéc, kết luận giám định số 984/KL-KTHS ngày 08/12/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Qua đó đủ cơ sở xác định: Vào ngày 23/11/2018, Võ Trung T đã thế chấp xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 để vay số tiền 40.000.000 đồng của Ngân hàng D, phía Ngân hàng D giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 và Ngân hàng D giao cho T được phép quản lý, sử dụng xe mô tô trên nhưng không được mua bán, trao đổi, tặng cho, góp vốn... Nhưng sau đó thông qua mạng xã hội Facebook, Võ Trung T đã thuê người khác làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 108427 và số 151912 của xe mô tô biển số 66L1-523.71 cùng mang tên Võ Trung T.

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2019 đến ngày 12/5/2019, trên địa bàn thành phố Sa Đéc, Võ Trung T đã 02 lần sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 108427 và số 151912 của xe mô tô biển số 66L1-523.71 mang tên Võ Trung T để thực hiện hành vi gian dối là bán xe mô tô trên cho anh Nguyễn Duy P số tiền 40.000.000 đồng và cầm xe mô tô trên cho anh Tạ Chấn N số tiền 37.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là **77.000.000 đồng** nhằm mục đích tư lợi cá nhân.

Bị cáo là người đã thành niên cho nên bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để chiếm đoạt tài sản của người khác, dù bằng hình thức nào, đều là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý. Thế nhưng do tư tưởng xấu, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng, bị cáo đã nảy sinh ý định thuê người khác làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe để chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại trong giao dịch mua bán, cầm cố tài sản là xe mô tô, với thủ đoạn gian dối, bị cáo đã mang giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả cùng với xe mô tô của bị cáo đã thế chấp cho Ngân hàng D trước đó để mang đi giao dịch mua bán, cầm cố nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại để tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo là sai trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan, tổ chức, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội, làm mất lòng tin giữa con người với nhau.

Bị cáo là người đã có vợ và có con, về nhân thân của bị cáo rất xấu, bị cáo có 03 tiền án cùng về tội “Trộm cắp tài sản”. Nếu biết ăn năn hối cải thì bị cáo phải biết rèn luyện phẩm chất đạo đức, cố gắng lao động làm ăn chân chính để tạo ra của cải vật chất chăm lo cho gia đình và làm tấm gương tốt để con cái noi theo. Thế nhưng với bản tính tham lam, ý thức xem thường pháp luật. Mặc dù bị cáo đã thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 cho Ngân hàng D, bị cáo biết rõ bị cáo chỉ được phép quản lý, sử dụng xe mô tô trên nhưng không được mua bán, trao đổi, tặng cho... tuy nhiên với ý định chiếm đoạt tiền của người khác nên bị cáo đã thuê người làm 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả rồi mang đi mua bán, cầm cố cho các bị hại để chiếm đoạt với tổng số tiền là 77.000.000 đồng.

Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ, mục đích tư lợi cá nhân. Thủ đoạn thực hiện tội phạm của bị cáo là tảo bạo, liều lĩnh: tài sản mà bị cáo mang đi mua bán, cầm cố cho các bị hại là xe mô tô đã thế chấp cho Ngân hàng D và ngân hàng đã giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và giao cho bị cáo xe mô tô chỉ được quản lý, sử dụng, không được mua bán, trao đổi, tặng cho, góp vốn... Thế nhưng với bản tính tham lam xem thường pháp luật bị cáo đã thuê người khác làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe, nếu bị cáo sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả để mang đi giao dịch thì sớm muộn gì cũng sẽ bị phát hiện, vì các bị hại là những người kinh doanh mua bán, cầm cố xe mô tô, tuy nhiên bị cáo vẫn bất chấp, sử dụng giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô rồi lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại là giấy chứng nhận đăng ký xe là thật nên bị cáo đã 02 lần dùng thủ đoạn gian dối giao dịch mua bán, cầm cố xe mô tô để chiếm đoạt tiền của các bị hại để tiêu xài cá nhân, để rồi đi vào con đường phạm tội, bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Từ những phân tích trên cho thấy, hành vi của bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” theo Điểm c, d Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội **“Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”** theo Điểm b, d Khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Tại Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a).....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ)”

Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a)

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c)

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;

đ)”

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là tảo bạo liều lĩnh, thể hiện sự xem thường pháp luật. Bị cáo nhận tội, không tranh luận, không bào chữa. Xét thấy, phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử lý nghiêm, bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác, nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, được chính quyền địa phương xác nhận do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Về tình tiết tăng nặng:* Trong khoảng thời gian từ ngày 19/4/2019 đến ngày 12/5/2019, bị cáo đã 02 lần dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh P và anh N, mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, vì vậy cần áp dụng Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự để xem xét trong việc lượng hình đối với bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ:* Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy cần áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

Anh Nguyễn Duy P yêu cầu Võ Trung T bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, anh Tạ Chấn N yêu cầu T bồi thường số tiền 37.000.000 đồng, anh Lê Minh T3 yêu cầu T hoàn trả số tiền nợ vốn cho Ngân hàng D số tiền 29.648.000 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các anh P, N và Ngân hàng D, vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[8] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 108427 và số 151912, biển số 66L1-523.71, mang tên Võ Trung T, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 66L1-523.71, nhãn hiệu Honda, số loại Sonic, màu xám vàng đen của bị cáo Võ Trung T cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Hiện các vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc đang quản lý).

[9] *Về án phí*: Bị cáo Võ Trung T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Đối với người thanh niên tên T6 (không rõ họ tên, địa chỉ) có hành vi làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 bán cho Võ Trung T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sa Đéc đang tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Võ Trung T5 có hành vi cầm cố xe mô tô biển số 66L1-523.71 cho anh Tạ Chấn N nhưng không biết giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là giả nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c, d Khoản 2 Điều 174, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Trung T** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Trung T** mức án **03 năm tù** (*Ba năm tù*).

Căn cứ vào: Điểm b, d Khoản 2 Điều 341, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Trung T** phạm tội “**Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức**”.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Trung T** mức án **02 năm 06 tháng tù** (*Hai năm sáu tháng tù*).

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự

Tổng hợp hình phạt: buộc bị cáo **Võ Trung T** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và tội “**Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức**” là **05 năm 06 tháng tù** (*Năm năm sáu tháng tù*). Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2020 (ngày bắt tạm giam).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự

- Buộc bị cáo **Võ Trung T** bồi thường và hoàn trả cho:

+ **Anh Nguyễn Duy P** số tiền **40.000.000 đồng**.

+ **Anh Tạ Chấn N** số tiền **37.000.000 đồng**.

+ **Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên D** số tiền **29.648.000 đồng**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

- **Tịch thu tiêu hủy :**

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 mang tên Võ Trung T số 108427 cấp ngày 15/12/2018 (giấy giả).

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66L1-523.71 mang tên Võ Trung T số 151912 cấp ngày 18/3/2018 (giấy giả).

- **Tiếp tục quản lý:**

+ 01 xe mô tô biển số 66L1-523.71, nhãn hiệu: Honda, số loại: Sonic, màu sơn: xám vàng đen, dung tích: 149, số máy: KB11E1168143, số khung: 1110JK167930 để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp xe mô tô biển số 66L1-523.71 phát mãi bán để thi hành án thì Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên D được ưu tiên thanh toán sau khi trừ án phí và chi phí thi hành án.

(Hiện các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/10/2020).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016

Bị cáo **Võ Trung T** nộp **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm và **5.332.400 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Riêng bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh ĐT; (1b)
- VKSND TP Sa Đéc; (2b)
- Công an TP Sa Đéc; (4b)
- Chi cục THA TP Sa Đéc; (1b)
- Sở Tư pháp; (1b)
- Thi hành án phạt tù; (1b)
- Những người tham gia tố tụng; (3b)
- Lưu VT, TP; (2b)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bé Mười